TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 39/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Võ Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã Y, huyện C1. Sau khi kết hôn chị H, anh C sinh sống tại thôn B, xã Y, huyện C1, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh C thường xuyên chửi bới, đe dọa chị H. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị H và anh C đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục

được. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, chị H xin ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị H, anh C có một con chung là Võ Kim O, sinh ngày 16/10/2017. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh C không có nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Võ Văn C đến để giải quyết việc chị Đặng Thị H đề nghị ly hôn nhưng anh C đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị H. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C vẫn đăng ký thường trú tại thôn B, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Đặng Văn Thanh (bố đẻ của chị Đặng Thị H- ông Thanhcungf sinh sống với chị H, anh C)) thì anh C đăng ký kết hôn với chị H năm 2017, sau khi kết hôn anh C chuyển khẩu về sinh sống tại thôn B, xã Y nhưng hiện nay anh C không có mặt tại địa phương do đi làm ăn xa. Thỉnh thoảng anh C có gọi điện về hỏi thăm con gái là Võ Kim O, anh C biết việc chị H xin ly hôn nhưng do đi làm công nhân, không trở về địa phương thường xuyên nên không đến tòa án làm việc theo nội dung chị H xin ly hôn. Chị H, anh C có một con chung là cháu Võ Kim O, hiện cháu O đang ở cùng chị H.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhận, con chung, tài sản chung, nợ chung như quá trình giải quyết. Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Đặng Thị H; cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Võ Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Võ Kim O, sinh ngày 16/10/2017 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về nợ chung: Chị H và anh C không có nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Võ Văn C; anh Võ Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Võ Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Anh C đi làm ăn tại tỉnh Hưng Yên nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh C đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh C đã thông báo cho anh C nhưng anh C vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C1 đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Võ Văn C vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, H giải và phiên tòa. Chị Đặng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C1 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2017 tại UBND xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của ông Đặng Văn T và kết quả xác minh tại thôn B, xã Y, huyện C1 cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, năm 2021 mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Anh C đi làm công nhân tại Hưng Yên, thỉnh thoảng mới về địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh C thực tế đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế cuộc sống hôn nhân đã không tồn tại từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Như vậy, căn

cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Võ Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Võ Kim O, sinh ngày 16/10/2017. Xét thấy hiện anh Võ Văn C không có địa chỉ cư trú rõ ràng, nên cần giao cháu Võ Kim O cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh C không có nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 143,144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Võ Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Kim O, sinh ngày 16/10/2017 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Đặng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0006133 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, nay được chuyển thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Võ Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H và anh Võ Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện C1;
- UBND xã Y;
- Chi cục THADS huyện C1;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc